

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÀM THUẬN BẮC
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 56/2017/DS-ST.

Ngày: 06/9/2017.

V/v: Tranh chấp về N vụ dân sự.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀM THUẬN BẮC,
TỈNH BÌNH THUẬN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ung Thanh Quang

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Đặng Văn Minh

- Ông Đặng Thanh Phúc

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Na – Thư ký Toà án nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Châu – Kiểm sát viên sơ cấp.

Ngày 06 tháng 9 N 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 179/2016/TLST-DS ngày 26/12/2016, về việc: “Tranh chấp về N vụ dân sự” theo quyết định gia hạn thời hạn chuẩn bị xét xử số 37/2017/QĐ-GHXX ngày 26/4/2017, quyết định tạm đình chỉ số 30/2017/QĐST-DS ngày 26/6/2017, quyết định tiếp tục giải quyết vụ án số 24/2017/QĐST-DS ngày 29/6/2017, quyết định đưa vụ án ra xét xử số 56/2017/QĐST-DS ngày 03/8/2017 và quyết định hoãn phiên tòa số 40/2017/QĐST-DS ngày 21/8/2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: - Ông Tăng Văn N – sinh N 1959 (Có mặt)

- Bà Đặng Thị H – sinh N 1958 (Có mặt)

Địa chỉ: Thôn 5, xã H, huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận.

2. Bị đơn: - Bà Nguyễn Thị Mỹ H – sinh N 1974 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn T, xã Hàm Thắng, huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận Tạm trú: Thôn 5, xã H, huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận.

- Bà Nguyễn Thị N – sinh N 1968 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Khu phố 1, phường P, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận.

Tạm trú: Thôn 5, xã H, huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 04/5/2016 cũng như các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn vợ chồng ông Tăng Văn N và bà Đặng Thị H trình bày: Tháng 01/2015, vợ chồng ông bà có bán thanh long cho vừa thanh long H – N ở thôn 5, xã Hàm Đức, huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận với số tiền là 244.500.000đ. Khi mua bán thì chỉ có bà N mua, sau đó bà H và bà N chỉ trả cho vợ chồng ông bà 110.000.000đ, còn nợ lại 134.500.000đ vợ chồng ông bà có đòi nợ nhưng bà H và bà

N không trả. Tháng 7/2015 vợ chồng ông bà gọi điện thoại cho bà N để đòi nợ nhưng bà N vẫn không trả và cuộc gọi điện thoại này được ghi âm lại thể hiện nội dung như sau: **N nói:** chuyện đó có còn có trong sổ sách đúng có lo, bây giờ đang lo làm chuyện khác không có làm thanh long nữa, đang lo công việc khác còn mấy chuyện tiền bạc đó có trong sổ sách đúng có lo nữa. **H nói:** Rồi định tháng nào trả cho mình không? **N nói:** Bây giờ để người ta làm xong có đâu đó rồi người ta điện cho đúng có lo nữa. **H nói:** Coi trong sổ còn đúng một trăm ba mươi bốn triệu N trăm. **N nói:** Bây giờ trả cho mấy người bao nhiêu còn bao nhiêu là có trong sổ sách hết, không có ai thiếu ai hết. **H nói:** Mà của tôi còn một trăm ba mươi bốn triệu N trăm đó. **N nói:** Bây giờ đúng có lo cái gì hết hể có là bên đây điện cho.

Tại Tòa bà H xác định giọng nói Nữ 1 trong kết luận giám định số 1797/C54B ngày 26/6/2017 là của bà Nguyễn Thị N và giọng nói Nữ 2 là của bà (Đặng Thị H). Nay vợ chồng ông N bà H yêu cầu bà Nguyễn Thị Mỹ H và Nguyễn Thị N trả cho vợ chồng ông bà số tiền nợ còn lại là 134.500.000đ và tiền lãi 0,75%/tháng tính từ tháng 02/2015 đến ngày 05/4/2016 với số tiền là 15.131.250đ. Tổng cộng gốc và lãi là 149.631.250đ (Một trăm bốn mươi chín triệu sáu trăm ba mươi một ngàn hai trăm N mươi đồng).

Bị đơn bà Nguyễn Thị Mỹ H vắng mặt nhưng tại bản khai ngày 26/10/2016 trình bày: Bà có chồng là Bùi Đức Chung đã ly hôn vào N 2015, bà không quen biết gì vợ chồng ông Tăng Văn N, bà Đặng Thị H cũng không biết nhà ông N bà H ở đâu, bà không có quan hệ mua bán thanh long gì với ông N và bà H, bà không có nợ tiền gì của ông N và bà H. Vì vậy, theo yêu cầu của ông N và bà H thì bà không đồng ý trả nợ.

Bị đơn bà Nguyễn Thị N vắng mặt nhưng tại biên bản lấy lời khai ngày 19/10/2016 trình bày: Bà có chồng là Bùi Văn Trung đã ly hôn vào ngày 30/12/2011. Bà không quen biết ông N và bà H vì bà đi mua thanh long rất nhiều người quá nên không nhớ có mua thanh long của vợ chồng ông N và bà H hay không. Nhưng bà khẳng định là việc mua bán thanh long bà đều trả tiền sòng phẳng rồi mới cho chở hàng đi chứ không có nợ gì, nếu có nợ thì chỉ 01 hoặc 02 ngày sau là trả nếu không trả được thì viết giấy nhận nợ. Việc mua thanh long là do một mình bà đi mua rồi về bán lại cho các vựa Thanh Long trong đó có bà H chứ bà H không liên quan gì đến việc mua bán thanh long của bà. Còn giọng nói trong đoạn ghi âm mà ông N và bà H cung cấp cho Tòa là của ai bà không biết, bà không nhớ là bà có mua thanh long của ông N bà H hay không, bà nợ tiền thanh long của ai thì đã hẹn trả dứt rồi chứ không nợ. Theo yêu cầu của ông N và bà H thì bà không đồng ý trả nợ vì nếu ông N và bà H cung cấp giấy nhận nợ thì bà hoàn toàn chịu trách nhiệm.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc đề nghị: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của vợ chồng ông Tăng Văn N và bà Đặng Thị H, buộc bà Nguyễn Thị N phải trả cho vợ chồng ông Tăng Văn N và bà Đặng Thị H tiền nợ mua bán Thanh long là 149.631.250đ (Một trăm bốn mươi chín triệu sáu trăm ba mươi một ngàn hai trăm N mươi đồng), trong đó tiền gốc 134.500.000đ và tiền lãi là 15.131.250đ. Bác yêu cầu khởi kiện của vợ chồng ông Tăng Văn N và bà

Đặng Thị H về yêu cầu bà Nguyễn Thị Mỹ H trả tiền nợ mua bán thanh long cho vợ chồng ông N bà H.

Trong thời hạn chuẩn bị xét xử vụ án, Tòa án đã nhiều lần tổ chức phiên hòa giải để các bên đương sự tự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án, nhưng bà Nguyễn Thị Mỹ H và bà Nguyễn Thị N không có mặt nên các bên đương sự không tự thỏa thuận được với nhau. Các đương sự đề nghị Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định: Sự vắng mặt của bà Nguyễn Thị Mỹ H và bà Nguyễn Thị N không thuộc trường hợp phải hoãn phiên tòa, bà H và bà N đã được Tòa án niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định pháp luật nhưng hai bà vẫn cố tình vắng mặt, chứng tỏ hai bà đã từ bỏ quyền tham gia tố tụng, không thực hiện N vụ của mình theo quy định của pháp luật. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và điểm b khoản 1 Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà Nguyễn Thị Mỹ H và bà Nguyễn Thị N.

1. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Tại quyết định đưa vụ án ra xét xử số 56/2017/QĐST-DS ngày 03/8/2017 đã ghi quan hệ pháp luật tranh chấp là “Tranh chấp N vụ dân sự”, qua thẩm tra tài liệu chứng cứ và các đương sự xác định yêu cầu của mình tại phiên Tòa thì Hội đồng xét xử thấy rằng: Các đương sự không tranh chấp gì về “Hợp đồng mua bán tài sản là trái thanh long” và đã thống nhất với nhau tiền nợ là 134.500.000đ nhưng bị đơn chưa trả nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả tiền còn nợ và tiền lãi chậm thanh toán. Đây là “Tranh chấp về N vụ dân sự” được quy định tại khoản 14 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn có nơi tạm trú tại xã Hàm Đức, huyện Hàm Thuận Bắc nên theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự N 2015 thì Tòa án nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc có thẩm quyền giải quyết.

2. Về áp dụng pháp luật: Do giao dịch dân sự giữa hai bên được xác lập vào thời điểm Bộ luật dân sự N 2005 vẫn còn hiệu lực, mức lãi chậm trả giữa Bộ luật dân sự N 2005 và Bộ luật dân sự N 2015 khác nhau nên áp dụng Bộ luật dân sự N 2005 để giải quyết mà không áp dụng Bộ luật dân sự N 2015.

3. Về thời hiệu khởi kiện: Sau khi bà Nguyễn Thị Mỹ H và bà Nguyễn thị N vi phạm N vụ thanh toán tháng 7/2015, thì vợ chồng ông Tăng Văn N và bà Đặng Thị H thực hiện quyền khởi kiện ngày 04/5/2016 nên thời hiệu khởi kiện vẫn còn.

4. Về yêu cầu của các đương sự, Hội đồng xét xử phân tích như sau:

(4.1) Theo bản dịch nội dung ghi âm mẫu cần giám định của Phân viện Khoa học Hình sự tại thành phố Hồ Chí Minh ngày 26/6/2017 có nội dung: **Nữ1:** Đã làm qua chuyện khác để rồi từ từ coi ấy điện cho, qua tết nhẹ. **Nữ2:** Ồ, còn, còn một trăm ba mấy triệu, ba bốn triệu N trăm lặn. **Nữ1:** Cái chuyện đó thì có trong sổ sách, mấy người đừng có lo, có trong sổ sách hết á. **Nữ2:** Ồ. **Nữ1:** Bây giờ đang lo làm chuyện khác, không có làm chuyện đó, không có làm thanh long nữa, đang lo công việc khác rồi, nghe. Còn cái chuyện tiền bạc có trong sổ sách đừng có lo nữa nghe. **Nữ2:** Rồi,

rồi có nói định tháng nào trả cho mình, gởi mình hông? **Nữ 1:** Bây giờ để người ta làm xong rồi có đâu đó hết rồi bắt đầu người ta điện cho. Hổng có sao đâu, đừng có sợ, nghe. **Nữ2:** Còn trong sổ còn, còn ơ, trong sổ đúng, ờ còn trong sổ đúng một trăm ba mươi bốn triệu N trăm hông? **Nữ 1:** Còn bây giờ là, bây giờ trả cho mấy người bao nhiêu, còn bao nhiêu là có trong sổ sách hết, không có ai thiếu ai đâu nghe. **Nữ2:** Ờ thì tui, tui thì còn một trăm. **Nữ 1:** Thì để từ từ đi rồi đừng có lo gì hết á. **Nữ 2:** Thì một, coi tui còn một trăm ba mươi bốn triệu N trăm đó, rồi tra sổ hết rồi chưa? **Nữ 1:** Mình đừng có lo cái gì hết, hồi tới chừng đó có là bên đây điện cho qua lấy à nghe. **Nữ 2:** Ờ, ờ vậy đi hả. Chị em mình đừng để điện hoài, la hoài cũng hơi kỳ quá. **Nữ 1:** Giờ mình á, bây giờ đang lo là công chuyện làm đây nè, nghe. Đây cũng đang kiếm công chuyện làm nghe. **Nữ2:** Ông xã, ông xã mình, ông xã mình nói chắc tới mùa điện đồ lại chắc nó mới trả mình, chớ giờ không mua bán được chắc chưa có trả cho mình quá, nói vậy á. **Nữ 1:** Thì hồi mà khi nào làm được là có trả hà. Hổng có lo cái gì đâu, nghe. **Nữ 2:** Ờ, ờ ráng đi, hồi có, hôm giờ, hôm. **Nữ 1:** Bên đây cũng lo ráng mà, đừng có lo lắng cái gì hết, đừng có nghĩ ngợi, hổng có ai giựt đâu nghe. **Nữ 2:** Hôm, hôm giờ khỏe luôn hả? **Nữ 1:** Thì nói chung cũng a khỏe thì hổng khỏe mà mình cũng phải ráng, ráng để mà lo kiếm công chuyện khác để làm. **Nữ 2:** Ờ thôi, ờ, thôi ráng làm để trả mình. **Nữ 1:** Hồi có là đưa cho, hổng có sao đâu, nghe. **Nữ 2:** Ờ, thôi ráng làm trả mình nghe, mình cũng hơi kẹt lắm á. **Nữ 1:** Rồi, rồi, rồi, rồi. **Nữ 2:** Rồi, rồi.

(4.2) Theo lời khai của nguyên đơn tại phiên tòa hôm nay thì bị đơn có nợ tiền mua trái thanh long của nguyên đơn là 134.500.000đ phù hợp chứng cứ do bị đơn cung cấp là 01 đĩa CD ghi âm nội dung cuộc nói chuyện giữa nguyên đơn là bà H (Nữ2) và bị đơn là bà N (Nữ1) đã được dịch thuật tại bản Kết luận giám định số 1797/C54B ngày 26/6/2017 nêu trên. Xét yêu cầu của nguyên đơn Hội đồng xét xử thấy rằng: Bị đơn có mua trái thanh long của nguyên đơn với số tiền nợ là 134.500.000đ nhưng bị đơn không trả nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải trả tiền nợ gốc 134.500.000đ và lãi chậm thanh toán 0,75%/tháng tính từ tháng 02/2015 đến ngày 05/4/2016 với số tiền là 15.131.250đ. Tổng cộng gốc và lãi là 149.631.250đ (Một trăm bốn mươi chín triệu sáu trăm ba mươi một ngàn hai trăm N mươi đồng) là đúng pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

5. Về N vụ trả nợ của bà Nguyễn Thị N: Bà N khẳng định là việc mua bán trái thanh long đã trả tiền sòng phẳng rồi mới cho xe chở hàng đi chứ không có nợ gì, nếu có nợ thì chỉ 01 hoặc 02 ngày sau là trả nếu không trả được thì viết giấy nhận nợ. Còn giọng nói trong đĩa CD ghi âm mà ông N và bà H cung cấp cho Tòa là của ai bà không biết, bà không nhớ là bà có mua thanh long của ông N bà H hay không, bà nợ tiền thanh long của ai thì đã hẹn trả dứt rồi chứ không nợ nên không đồng ý trả. Hội đồng xét xử thấy rằng: Qua xem xét Bản kết luận giám định số 1797/C54B ngày 26/6/2017 thì bà H cho rằng tiếng nói Nữ 2 là của bà Đặng Thị H, tiếng nói Nữ 1 là của bà Nguyễn Thị N. Bà Nguyễn Thị N cho rằng không phải tiếng nói của bà trong đĩa CD ghi âm nhưng Tòa án triệu tập bà N đến để ghi âm mẫu tiếng nói của bà để giám định nhưng bà không cung cấp mẫu tiếng nói của bà, chứng tỏ vì tiếng nói trong đoạn CD ghi âm là của bà nên bà lẩn tránh, không tham gia tố tụng, quyền lợi của bà

không có chứng cứ để bảo vệ. Do đó, tiếng nói Nữ 2 được dịch thuật ra giấy A4 trong đĩa CD đã ghi âm mà ông Tăng Văn N bà H cung cấp là của bà Nguyễn Thị N. Như vậy, có đủ căn cứ xác định bà Nguyễn Thị N có mua thanh long và còn nợ 134.500.000đ của vợ chồng ông N và bà H. Cần buộc bà Nguyễn Thị N phải có N vụ trả số tiền 134.500.000đ và lãi chậm thanh toán 15.131.250đ, tổng cộng gốc và lãi là 149.631.250đ cho vợ chồng ông N và bà H.

6. Về N vụ trả nợ của bà Nguyễn Thị Mỹ H: Bà N thừa nhận là người trực tiếp mua thanh long về bán lại cho các vựa trong đó có bà H, vợ chồng ông Tăng Văn N và bà Đặng Thị H khai khi thỏa thuận bán thanh long thì chỉ có một mình bà N mua chứ không có bà H tham gia. Như vậy, bà H không có tham gia mua bán thanh long với vợ chồng ông N và bà H nên không thể buộc bà H có N vụ trả tiền cùng với bà N. Do đó, bác yêu cầu của vợ chồng ông N và bà H buộc bà H cùng trả nợ tiền mua trái thanh long còn thiếu cho vợ chồng ông N và bà H.

7. Về án phí và chi phí giám định: Căn cứ khoản 1 Điều 147, Điều 159, Điều 160, Điều 161 và Điều 162 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Pháp lệnh số 10/2009/PL-UBTVQH 12 ngày 27/02/2009 về án phí, lệ phí Tòa án.

Do bà Nguyễn Thị N buộc phải trả tiền cho vợ chồng ông N và bà H nên bà N phải chịu án phí trên tổng số tiền phải thanh toán và chi phí giám định theo quy định của pháp luật. Cụ thể: Bà N phải chịu 149.631.250đ x 5% = 7.482.000đ án phí dân sự sơ thẩm; 1.740.000đ chi phí giám định để hoàn trả cho vợ chồng ông Tăng Văn N và bà Đặng Thị H.

Nguyên đơn yêu cầu bà H trả nợ bị bác nên nguyên đơn phải chịu án phí không giá ngạch là 200.000đ được khấu trừ 3.740.000đ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0008112 ngày 18/5/2016. Còn lại 3.540.000đ hoàn trả cho nguyên đơn.

Bà Nguyễn Thị Mỹ H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và chi phí giám định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1.Áp dụng: Khoản 14 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 273, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và điểm b khoản 1 Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 280, Điều 281, Điều 282, Điều 283, Điều 286; Điều 290, khoản 2 Điều 438, khoản 2 Điều 305 Bộ luật dân sự N 2005; Điều 357 Bộ luật dân sự N 2015; Điều 26 Luật Thi hành án dân sự.

2.Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của vợ chồng ông Tăng Văn N và bà Đặng Thị H, buộc bà Nguyễn Thị N phải trả cho vợ chồng ông Tăng Văn N và bà Đặng Thị H tiền nợ mua bán trái thanh long là **149.631.250đ** (Một trăm bốn mươi chín triệu sáu trăm ba mươi một ngàn hai trăm N mươi đồng), trong đó tiền gốc 134.500.000đ và tiền lãi là 15.131.250đ.

- Bác yêu cầu khởi kiện của vợ chồng ông Tăng Văn N và bà Đặng Thị H về yêu cầu bà Nguyễn Thị Mỹ H trả tiền nợ mua bán thanh long cho vợ chồng ông N và bà H.

3. Về án phí, chi phí giám định: Áp dụng: Căn cứ khoản 1 Điều 147, Điều 159, Điều 160, Điều 161 và Điều 162 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Pháp lệnh số 10/2009/PL-UBTVQH 12 ngày 27/02/2009 về án phí, lệ phí Tòa án.

- Bà Nguyễn Thị N phải chịu 7.482.000đ (Bảy triệu bốn trăm tám mươi hai ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Bà Nguyễn Thị N phải chịu 1.740.000đ (Một triệu bảy trăm bốn mươi ngàn đồng) chi phí giám định để hoàn trả cho vợ chồng ông Tăng Văn N và bà Đặng Thị H, do vợ chồng ông N và bà H đã nộp tạm ứng chi phí giám định tại Tòa án nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận.

- Vợ chồng ông Tăng Văn N và bà Đặng Thị H phải chịu 200.000đ án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 3.740.000đ tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai thu tiền số 0008112 ngày 15/6/2016 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận, còn lại 3.540.000đ hoàn trả lại cho vợ chồng ông Tăng Văn N và bà Đặng Thị H.

- Bà Nguyễn Thị Mỹ H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và chi phí giám định.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 06/9/2017). Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết tại địa pH.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, có đơn yêu cầu thi hành án của bên được thi hành án, nếu bên phải thi hành án chưa thi hành xong các khoản tiền nêu trên thì phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành, mức lãi suất như sau:

- Theo thỏa thuận của đương sự nhưng không được quá 20%/ N, trừ trường hợp có quy định khác của pháp luật.

- Trường hợp các bên không có thỏa thuận thì theo mức lãi suất 10%/ N.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND huyện Hàm Thuận Bắc;
- Chi cục THADS huyện Hàm Thuận Bắc;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ung Thanh Quang

